

Số: **10** /2020/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **20** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định biện pháp thi hành Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 về sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 về bổ sung, sửa đổi một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 29/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố suất vốn đầu tư xây dựng và mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 116/TTr-STNMT ngày 11/02/2020; Công văn số 1531/STNMT-BVMT ngày 16/3/2020, kèm theo Báo cáo thẩm định số 38/BCTĐ-STP ngày 07/02/2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định biện pháp thi hành Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và thay thế Quyết định số 721/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh về việc quy định thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, giai đoạn 2016 - 2021.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, T. trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, PqNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

QUY ĐỊNH

**Biện pháp thi hành Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10 /2020/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các biện pháp thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phương thức hỗ trợ kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) có dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt hoặc công nghệ hỗn hợp (đốt kết hợp sản xuất phân vi sinh, tái chế phế liệu) đáp ứng yêu cầu theo Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025.

2. Đơn vị quản lý, vận hành các khu xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt, công nghệ hỗn hợp và công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (gọi chung là Đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

3. Các hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt nhưng không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gắn với nhà ở hộ gia đình

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài dự án (đường giao thông, hệ thống thoát nước)

1. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài dự án

a) Căn cứ quy hoạch quản lý chất thải rắn và tình hình đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng bên ngoài hàng rào dự án khu

xử lý chất thải rắn sinh hoạt dự kiến đầu tư trình thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật đầu tư công;

b) Trên cơ sở dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng bên ngoài hàng rào dự án khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo nhu cầu kinh phí hỗ trợ (phần ngân sách tỉnh) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư công để thực hiện.

2. Tổ chức triển khai thực hiện dự án: Thực hiện bằng 02 hình thức, hoặc là UBND cấp huyện làm chủ đầu tư để lựa chọn đơn vị thực hiện đầu tư xây dựng hoặc giao cho Nhà đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp thực hiện đầu tư xây dựng theo dự án của UBND huyện đã lập, thẩm định và phê duyệt.

3. Thanh quyết toán dự án

a) Đối với các công trình hạ tầng ngoài dự án được giao cho Nhà đầu tư thực hiện, sau khi hoàn thành công trình, Nhà đầu tư được thanh toán toàn bộ kinh phí đầu tư theo giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

b) Đối với các công trình hạ tầng ngoài hàng rào dự án được thực hiện bằng nguồn vốn do Nhà đầu tư tự nguyện ứng trước theo dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sau khi hoàn thành công trình. Trên cơ sở giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND các huyện thanh toán trực tiếp cho nhà đầu tư.

c) Hồ sơ, trình tự thủ tục về thanh, quyết toán được thực hiện theo quy định về thanh quyết toán dự án theo quy định của pháp luật.

d) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối thêm 50% kinh phí trong nguồn kinh phí của huyện để thanh toán trực tiếp cho Nhà đầu tư. Việc sử dụng ngân sách của các huyện để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Điều 4. Hỗ trợ chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Quy trình thực hiện

a) UBND các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 về sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích. Đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy định tại Quyết số 21/2019/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) UBND các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán kinh phí hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo mức hỗ trợ quy định tại mục 2.3, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường

thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật để bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm của huyện, thị xã, thành phố.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động cân đối ngân sách chi thường xuyên (nguồn sự nghiệp môi trường, nguồn thu phí bảo vệ môi trường...) và huy động từ các nguồn hợp pháp khác kết hợp với nguồn hỗ trợ của tỉnh để thực hiện.

2. Cách thức chi trả

a) Đối với khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt có hệ thống cân trực tiếp khối lượng thực tế, giá trị thanh toán được tính theo khối lượng thực tế nhân với mức giá ghi trong hợp đồng xử lý của UBND huyện, thị xã thành phố với đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Đối với khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt không có hệ thống cân trực tiếp, giá trị thanh toán được tính theo định mức phát thải bình quân đầu người (dân cư ở các phường và thị trấn, định mức phát thải bằng 1,0 kg/người/ngày; dân cư ở các xã nông thôn vùng đồng bằng, ven biển, định mức phát thải bằng 0,55 kg/người/ngày; dân cư ở các xã miền núi, định mức phát thải bằng 0,33 kg/người/ngày) nhân với số dân theo thống kê dân số của năm trước liền kề nhân với mức giá ghi trong hợp đồng xử lý của UBND huyện, thị xã thành phố với đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Thời điểm chi trả: Định kỳ hằng quý, Đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn lập hồ sơ xác nhận khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã xử lý, gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố để thanh toán chi phí xử lý. UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành thanh toán trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt trước khi đi vào hoạt động chính thức; kiểm tra, giám sát hoạt động của các Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thẩm định, xác nhận các công trình đủ điều kiện về bảo vệ môi trường làm cơ sở báo cáo UBND tỉnh hỗ trợ chi phí xử lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng hướng dẫn UBND các huyện, thị xã thành phố hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hằng năm, căn cứ nhu cầu hỗ trợ công trình ngoài hàng rào của UBND các huyện, thị xã, thành phố, tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư để hỗ trợ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cho khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ dự toán hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt do UBND các huyện, thị xã thành phố lập thực hiện thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo quy định;

2. Kiểm tra, giám sát việc quản lý, thanh quyết toán cho các Nhà đầu tư, đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành liên quan

Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn Nhà đầu tư và UBND các huyện, thị xã thành phố thực hiện theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; hỗ trợ Nhà đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kết nối hạ tầng ngoài hàng rào phục vụ hoạt động của dự án.

2. Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng bên ngoài hàng rào dự án khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dự toán kinh phí xử lý chất thải rắn gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, tổng hợp vào dự toán hằng năm.

3. Giám sát, kiểm tra hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt của dự án trên địa bàn mình quản lý; xác nhận khối lượng chất thải sinh hoạt được xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hồ sơ đề nghị thanh toán xử lý chất thải rắn sinh hoạt của đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 10. Trách nhiệm của Nhà đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Đầu tư công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng tiến độ đã cam kết với UBND tỉnh;

2. Vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Lập hồ sơ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được xử lý trình UBND huyện, thị xã, thành phố thẩm định, xác nhận.

4. Chịu sự kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *cham*


Nguyễn Đức Quyền